

Bản án số: 37/2024/KDTM-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần

Bà Huỳnh Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 94/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH P; địa chỉ: Thửa đất số 20, 70, tờ bản đồ số 23, đường N8, tổ 1, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993; bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 2000; cùng địa chỉ liên hệ: Số 15-17 đường V, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/5/2024). Bà D vắng mặt, bà X có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH H; địa chỉ: Thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 44, đường K 10, tổ 3, khu phố V, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị D1, sinh năm 1993; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH P (sau đây viết tắt là Công ty P) và Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là Công ty H) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận về việc mua bán hàng hoá dựa trên chứng từ giao nhận hàng và hóa đơn tài chính. Theo đó Công ty P sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty H và Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P dựa trên các phiếu giao hàng và các hoá đơn tài chính kèm theo kể từ thời điểm nhận hàng, công nợ 90 ngày.

Khi giao hàng cho Công ty H, Công ty P đều có phiếu giao hàng và sau đó xuất các hoá đơn tài chính (các chứng từ giao nhận hàng đều có xác nhận của đại diện Công ty H) như thỏa thuận của hai bên cũng như theo quy định tại Điều 34 Luật Thương mại. Từ thời điểm đặt hàng và giao hàng đến nay, Công ty H không có bất cứ khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Công ty P đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty H nhưng Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty P như đã thỏa thuận. Số tiền Công ty H đã thanh toán và chưa thanh toán cụ thể như sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000141 ngày 25/4/2023 với số tiền là 401.527.500 đồng: Ngày 20/11/2023 Công ty H đã thanh toán 200.000.000 đồng, ngày 01/4/2024 thanh toán 100.000.000 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000183 ngày 25/5/2023 với số tiền là 345.262.500 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000230 ngày 24/6/2023 với số tiền là 220.687.500 đồng.

Việc Công ty H không thanh toán số tiền công nợ như thỏa thuận làm cho Công ty P gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất, kinh doanh.

Vì vậy, Công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải thanh toán nợ gốc tiền mua hàng là 667.455.500 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trên các hoá đơn tháng 4, 5, 6 năm 2023, cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ ngày 25/7/2023 đến ngày 25/7/2024 với lãi suất 1%/tháng là 12.180.660 đồng;

- Tiền lãi từ ngày 25/8/2023 đến ngày 25/7/2024 với lãi suất 1%/tháng là 37.978.875 đồng;

- Tiền lãi từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/7/2024 với lãi suất 1%/tháng là 22.068.750 đồng;

Tổng số tiền nợ gốc và lãi yêu cầu Công ty H phải thanh toán là 739.683.785 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/4/2024 Công ty H đã thanh toán 51.505.500 đồng, ngày 14/5/2024 thanh toán 50.000.000 đồng theo hóa đơn số 00000141 nêu trên. Vì vậy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay

đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 565.950.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty H phải thanh toán nợ gốc là 520.687.500 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/7/2024 là 59.670.325 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi yêu cầu Công ty H phải thanh toán là 580.357.825 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH H trình bày: Bị đơn thống nhất việc Công ty Công ty P và Công ty H có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau, quá trình nguyên đơn giao hàng, bị đơn đã thanh toán nhưng do tình hình kinh tế của bị đơn gặp nhiều khó khăn nên còn nợ lại nguyên đơn tiền hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/7/2024 là 520.687.500 đồng. Bị đơn đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên cho nguyên đơn theo hình thức là thanh toán từng tháng, bị đơn xin được không thanh toán lãi vì tình hình công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2024, Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) yêu cầu Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) phải thanh toán 520.687.500 đồng tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty H có trụ sở tại tổ 3, khu phố V, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Về nội dung:

[1] Theo nội dung Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/HXR-TP-2023 ký ngày 03/01/2023 giữa Công ty P và Công ty H về việc mua bán hàng thì Công ty P sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty H và Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P dựa trên các phiếu giao hàng và các hoá đơn tài chính kèm theo. Theo qui định tại Điều 3 của hợp đồng, thời điểm thanh toán là 90 ngày kể từ thời điểm nhận hàng.

Nguyên đơn cho rằng khi giao hàng cho Công ty H, Công ty P đã phát hành phiếu giao hàng nhưng Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty P như đã thoả thuận. Tính đến nay, Công ty H còn phải thanh toán cho Công ty P số tiền là 520.687.500 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ và lãi suất chậm trả đến ngày 23/7/2024 là 59.670.325 đồng.

[2] Tại biên bản hòa giải ngày 13/6/2024 và tại phiên tòa, đại diện bị đơn thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về nội dung hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa là sơn các loại, đồng thời thừa nhận số tiền mua hàng còn nợ như nguyên đơn trình bày. Xét, lời thừa nhận của đại diện bị đơn là tình tiết không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/HXR-TP-2023 ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa Công ty P và Công ty H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia hợp đồng chịu trách nhiệm pháp lý đối với các thoả thuận trong hợp đồng. Bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hóa, bên mua đã nhận được hàng nhưng không thanh toán tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về tiền chậm thanh toán: Theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng thì Công ty H phải thanh toán tiền hàng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày giao hàng. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi nhưng cho rằng Công ty H đang khó khăn về tài chính nên không đồng ý thanh toán tiền lãi chậm trả. Xét thấy, việc chậm thanh toán tiền hàng của bị đơn là vi phạm thoả thuận của các bên trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm thanh toán là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại. Theo nội dung hợp đồng nguyên tắc ngày 03/01/2023 thì các bên không thoả thuận về lãi suất chậm trả cho nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi suất tính từ ngày giao hàng tương ứng với các hóa đơn giá trị gia tăng là phù hợp với qui định tại Điều 306 Luật Thương mại. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 1%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 (ba) ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố T (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD T; Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương - PGD T; Ngân hàng Nông

nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như vậy, bị đơn Công ty TNHH H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

- Tiền nợ mua hàng: 520.687.500 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán: 59.670.325 đồng.

Tổng cộng là: 580.357.825 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với bị đơn Công ty TNHH H.

Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho Công ty TNHH P bao gồm các khoản tiền sau:

- Tiền nợ mua hàng: 520.687.500 đồng (Năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

- Tiền lãi chậm thanh toán: 59.670.325 đồng (Năm mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng);

Tổng cộng là: 580.357.825 đồng (Năm trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu 27.214.313 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm mười ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2 Nguyên đơn Công ty TNHH P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.793.676 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001470 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm